

# **Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



# Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 26

# Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xi nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải và khai thác bến bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Việt Thắng	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Phan Trọng Lập	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Văn Quỳnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên	từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Phạm Văn Thông	Thành viên	
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Quỳnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2016
	Phó Tổng Giám đốc	cho đến trước ngày 21 tháng 3 năm 2016
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2016
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2016
Ông Đặng Thành Kết	Phó Tổng Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Quỳnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2016
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2016

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trần Văn Quỳnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61056427/18590803

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 26, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Hằng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2013-004-1



Lương Kim Diên An  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2736-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>292.547.340.068</b>	<b>279.885.546.676</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>89.130.478.094</b>	<b>62.379.525.497</b>
111	1. Tiền		12.630.478.094	6.161.287.085
112	2. Các khoản tương đương tiền		76.500.000.000	56.218.238.412
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>105.990.879.270</b>	<b>34.990.879.270</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	20.990.879.270	20.990.879.270
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	85.000.000.000	14.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>96.699.214.380</b>	<b>182.196.384.694</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	82.840.187.377	131.689.610.531
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	10.763.208.029	1.625.072
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.830.231.419	50.623.213.920
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(734.412.445)	(118.064.829)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>182.723.946</b>	<b>318.757.215</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	182.723.946	318.757.215
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>544.044.378</b>	-
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		544.044.378	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>62.171.254.507</b>	<b>73.836.484.449</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>60.068.733.997</b>	<b>73.731.125.358</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	60.068.733.997	73.731.125.358
222	Nguyên giá		146.544.633.347	146.527.253.299
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(86.475.899.350)	(72.796.127.941)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>255.717.727</b>	<b>105.359.091</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		255.717.727	105.359.091
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.500.000.000</b>	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.3	1.500.000.000	-
260	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>346.802.783</b>	-
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.3	346.802.783	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>354.718.594.575</b>	<b>353.722.031.125</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>37.262.038.441</b>	<b>39.868.616.589</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>37.262.038.441</b>	<b>39.868.616.589</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	18.379.564.697	18.586.642.719
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.188.501.146	4.963.202.744
314	3. Phải trả người lao động		6.882.811.347	9.825.139.543
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	2.467.872.462	1.453.105.709
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	1.002.094.920	1.373.131.748
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	7.341.193.869	3.667.394.126
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>317.456.556.134</b>	<b>313.853.414.536</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15.1</b>	<b>317.456.556.134</b>	<b>313.853.414.536</b>
411	1. Vốn cổ phần		131.040.000.000	131.040.000.000
411a	- Cổ phiếu có đông có quyền biểu quyết		131.040.000.000	131.040.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		53.070.783.332	53.070.783.332
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		109.522.730.952	93.984.522.332
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.823.041.850	35.758.108.872
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.197.239.414	1.197.239.414
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		22.625.802.436	34.560.869.458
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>354.718.594.575</b>	<b>353.722.031.125</b>

Ngô Đức Ngọc  
Người lập

Trần Thị Lý  
Kế toán trưởng



Trần Văn Quỳnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	16.1	185.502.431.387	205.746.924.580
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp		(146.390.411.573)	(155.477.373.361)
20	3. Lợi nhuận gộp		39.112.019.814	50.269.551.219
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	6.491.376.984	2.364.340.151
22	5. Chi phí tài chính Chi phí lãi vay		- -	5.120.508.691 (132.388.207)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	(17.776.300.824)	(14.725.379.777)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.827.095.974	43.029.020.284
31	8. Thu nhập khác	18	833.695.000	1.438.863.636
32	9. Chi phí khác	18	(97.505.008)	-
40	10. Lợi nhuận khác	18	736.189.992	1.438.863.636
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.563.285.966	44.467.883.920
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(6.284.286.313)	(9.907.014.462)
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	20.3	346.802.783	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		22.625.802.436	34.560.869.458
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.4	1.541	2.190
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.4	1.541	2.190

Ngô Đức Ngọc  
Người lập

Trần Thị Lý  
Kế toán trưởng



Trần Văn Quỳnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>28.563.285.966</b>	<b>44.467.883.920</b>
	<i>Điều chỉnh cho:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	8	13.760.991.361	13.729.816.022
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		697.257.371	(5.268.239.270)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.491.376.984)	(3.803.203.787)
06	Chi phí lãi vay		-	132.388.207
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>36.530.157.714</b>	<b>49.258.645.092</b>
09	Giảm các khoản phải thu		87.117.319.045	26.020.927.605
10	Giảm hàng tồn kho		136.033.269	207.616.356
11	Giảm các khoản phải trả		(3.785.915.795)	(6.807.875.217)
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(132.388.207)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11	(8.961.283.843)	(10.594.067.685)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.244.861.095)	(3.284.181.434)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>108.791.449.295</b>	<b>54.668.676.510</b>
	<b>II. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua tài sản cố định		(248.958.636)	(1.340.872.727)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	1.438.863.636
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	5.2	(85.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	5.2	14.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác		(1.244.450.480)	(219.556.630)
27	Tiền lãi nhận được		3.555.044.718	2.183.672.417
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(68.938.364.398)</b>	<b>2.062.106.696</b>
	<b>III. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	7.671.186.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn		-	(11.676.411.368)
36	Cổ tức đã trả	15.3	(13.102.132.300)	(10.078.565.500)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(13.102.132.300)</b>	<b>(14.083.790.868)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		26.750.952.597	42.646.992.338
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		62.379.525.497	19.732.533.159
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	89.130.478.094	62.379.525.497



Ngô Đức Ngọc  
Người lập



Trần Thị Lý  
Kế toán trưởng



Trần Văn Quỳnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải và khai thác bến bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 183 người (31 tháng 12 năm 2015: 208 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu là nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ, với giá trị được xác định theo chi phí mua trên cơ sở bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.5 Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải đường thủy	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm

#### 3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Các khoản đầu tư

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.9 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

#### 3.10 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.12 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Thuế**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.13 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	13.115.962	13.277.562
Tiền gửi ngân hàng	12.617.362.132	6.148.009.523
Các khoản tương đương tiền (*)	76.500.000.000	56.218.238.412
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>89.130.478.094</b>	<b>62.379.525.497</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân dao động từ 4,3% đến 5,0%/năm.

## Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### 5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Chứng khoán kinh doanh					
- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	20.990.879.270	22.228.560.000	20.990.879.270	24.216.480.000	

#### 5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn (*)	85.000.000.000	85.000.000.000	-	14.000.000.000	-
- Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (Thuyết minh số 21)	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>	

(\*) Đây là khoản tiền gửi ngân hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn có thời hạn gốc trên ba tháng và hưởng lãi suất bình quân dao động từ 5,5% đến 6,7%/năm.

#### 5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ (*)	5	1.500.000.000	-	-

(\*) Vào ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ đã được chuyển đổi thành Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ ("Bất Động sản Trường Thọ") theo GCNĐKDN số 0313888915 – Điều chỉnh lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 3 năm 2017. Đồng thời, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục để chuyển nhượng khoản đầu tư trong Bất Động sản Trường Thọ cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1, bên liên quan của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	72.961.162.680	118.524.161.549
Phải thu từ khách hàng khác	9.879.024.697	13.165.448.982
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>82.840.187.377</b>	<b>131.689.610.531</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(734.412.445)	(118.064.829)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>82.105.774.932</b>	<b>131.571.545.702</b>

*Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	118.064.829	185.678.869
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	734.412.445	-
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(118.064.829)	(67.614.040)
<b>Số cuối năm</b>	<b>734.412.445</b>	<b>118.064.829</b>

**6.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Huy Hiền	9.930.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	833.208.029	1.625.072
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.763.208.029</b>	<b>1.625.072</b>

**7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu	3.117.000.000	180.667.734
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	410.000.000	50.040.000.000
Phải thu khác	303.231.419	402.546.186
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.830.231.419</b>	<b>50.623.213.920</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 21)</i>	-	50.000.000.000
<i>Phải thu từ bên thứ ba</i>	3.830.231.419	623.213.920

## Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải đường thủy	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	2.308.968.526	141.241.618.016	2.976.666.757	146.527.253.299
Mua trong năm	-	-	98.600.000	98.600.000
Thanh lý	(41.346.512)	-	(39.873.440)	(81.219.952)
Số cuối năm	2.267.622.014	141.241.618.016	3.035.393.317	146.544.633.347
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết	2.267.622.014	20.503.401.603	1.237.917.201	24.008.940.818
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	(2.308.968.526)	(68.648.991.035)	(1.838.168.380)	(72.796.127.941)
Khấu hao trong năm	-	(13.516.107.765)	(244.883.596)	(13.760.991.361)
Thanh lý	41.346.512	-	39.873.440	81.219.952
Số cuối năm	(2.267.622.014)	(82.165.098.800)	(2.043.178.536)	(86.475.899.350)
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	-	72.592.626.981	1.138.498.377	73.731.125.358
Số cuối năm	-	59.076.519.216	992.214.781	60.068.733.997

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhiên liệu và vật liệu	164.899.443	294.451.080
Công cụ, dụng cụ	17.824.503	24.306.135
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>182.723.946</b>	<b>318.757.215</b>

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	17.891.441.573	17.963.942.188
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài	8.066.247.872	8.694.258.844
- Công ty TNHH MTV Chí Thành	2.062.913.322	2.001.568.569
- Phải trả đối tượng khác	7.762.280.379	7.268.114.775
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	488.123.124	622.700.531
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.379.564.697</b>	<b>18.586.642.719</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/ cần trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.848.098.676	6.284.286.313	8.961.283.843	1.171.101.146
Thuế giá trị gia tăng	902.450.317	8.061.458.172	8.963.908.489	-
Thuế thu nhập cá nhân	212.653.751	395.052.406	590.306.157	17.400.000
Các loại thuế khác	-	286.316.350	286.316.350	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.963.202.744</b>	<b>15.027.113.241</b>	<b>18.801.814.839</b>	<b>1.188.501.146</b>

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.292.498.643	-
Chi phí vận chuyển	-	1.243.021.708
Chi phí khác	175.373.819	210.084.001
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.467.872.462</b>	<b>1.453.105.709</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	285.596.314	333.396.595
Nhận ký quỹ, ký cược	241.982.997	438.931.123
Cổ tức phải trả	3.302.200	1.434.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	471.213.409	599.369.530
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.002.094.920</u></b>	<b><u>1.373.131.748</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	1.002.094.920	1.100.183.622
<i>Phải trả khác cho bên liên quan     (Thuyết minh số 21)</i>	-	272.948.126

**14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.667.394.126	5.921.788.723
Trích lập quỹ trong năm ( <i>Thuyết minh 15.1</i> )	5.918.660.838	2.192.388.805
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(2.244.861.095)</u>	<u>(4.446.783.402)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>7.341.193.869</u></b>	<b><u>3.667.394.126</u></b>

## Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 15.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						VND
Số đầu năm	100.800.000.000	69.222.867.374	(3.663.270.042)	78.781.616.743	28.672.533.808	273.813.747.883
Tăng vốn	30.240.000.000	(20.160.000.000)	-	-	-	10.080.000.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	4.007.915.958	3.663.270.042	-	-	7.671.186.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	34.560.869.458	34.560.869.458
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(10.080.000.000)	(10.080.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	15.202.905.589	(15.202.905.589)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(2.192.388.805)	(2.192.388.805)
Số cuối năm	131.040.000.000	53.070.783.332	-	93.984.522.332	35.758.108.872	313.853.414.536
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	-	93.984.522.332	35.758.108.872	313.853.414.536
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	22.625.802.436	22.625.802.436
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(13.104.000.000)	(13.104.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	15.538.208.620	(15.538.208.620)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(5.918.660.838)	(5.918.660.838)
Số cuối năm	131.040.000.000	53.070.783.332	-	109.522.730.952	23.823.041.850	317.456.556.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**15.2 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số lượng cổ phiếu Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

**15.3 Cổ tức**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm</b>		
Cổ tức đã công bố trong năm	13.104.000.000	10.080.000.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	13.102.132.300	10.078.565.500
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	10.080.000.000

**15.4 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	22.625.802.436	34.560.869.458
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.430.000.000)	(5.918.660.838)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	20.195.802.436	28.642.208.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	13.104.000	13.079.940
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.541	2.190
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.541	2.190

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 38/2016/ĐHCD ngày 25 tháng 4 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 được điều chỉnh giảm đối với khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2016 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 38/2016/ĐHCD ngày 25 tháng 4 năm 2016.

Không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**16. DOANH THU**

**16.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu vận tải đường thủy	175.937.894.404	203.661.663.747
Doanh thu vận tải đường bộ	8.640.240.567	1.430.724.208
Doanh thu cho thuê kho	924.296.416	654.536.625
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>185.502.431.387</b>	<b>205.746.924.580</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	42.699.354.481	41.147.019.137
<i>Doanh thu đối với bên liên quan     (Thuyết minh số 21)</i>	142.803.076.906	164.599.905.443

**16.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	6.491.376.984	2.364.340.151

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.860.228.370	5.511.935.697
Chi phí nhân viên	5.967.605.817	5.517.894.658
Chi phí khấu hao tài sản	244.883.596	216.296.582
Chi phí khác	4.703.583.041	3.479.252.840
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.776.300.824</b>	<b>14.725.379.777</b>

**18. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>833.695.000</b>	<b>1.438.863.636</b>
Phạt vi phạm hợp đồng	802.340.000	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	31.355.000	1.438.863.636
<b>Chi phí khác</b>	<b>(97.505.008)</b>	<b>-</b>
Khoản phạt thuế	(97.505.008)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>736.189.992</b>	<b>1.438.863.636</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.657.394.172	103.428.282.148
Chi phí nhân viên	32.507.660.835	33.624.376.196
Chi phí nhiên liệu và vật liệu	11.165.875.498	17.345.212.335
Chi phí khấu hao tài sản (Thuyết minh số 8)	13.760.991.361	13.729.816.022
Chi phí khác	2.074.790.531	2.075.066.437
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>164.166.712.397</u></b>	<b><u>170.202.753.138</u></b>

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Trong năm 2016, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% lợi nhuận chịu thuế (2015: 22%).

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**20.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.284.286.313	9.907.014.462
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(346.802.783)</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.937.483.530</u></b>	<b><u>9.907.014.462</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>28.563.285.966</b>	<b>44.467.883.920</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2015: 22%)	5.712.657.193	9.782.934.462
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	119.501.002	124.080.000
Thuế TNDN trích thiếu của các năm trước	<u>105.325.335</u>	<u>-</u>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b><u>5.937.483.530</u></b>	<b><u>9.907.014.462</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**20.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**20.3 Thuế TNDN hoãn lại**

	VND			
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả ngắn hạn	346.802.783	-	346.802.783	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>346.802.783</b>	<b>-</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>346.802.783</b>	<b>-</b>

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	122.477.748.273	164.599.905.443
		Chi phí tiện ích	221.084.640	289.278.720
		Đặt cọc	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	16.275.638.194	-
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Bên liên quan	Chia cổ tức	13.104.000.000	20.191.880.000
		Phí tư vấn	922.890.674	1.025.461.940
		Nhờ chi hộ	500.000.000	700.000.000
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.049.690.439	-
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Lãi tiền gửi có kỳ hạn	325.722.223	802.652.774

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị	504.000.000	504.000.000
Ban Kiểm soát	156.000.000	156.000.000
	<b>660.000.000</b>	<b>660.000.000</b>

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Nghiệp vụ cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày như sau:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
<b><i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 5.2)</i></b>				
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Tiền gửi có kỳ hạn	-	14.000.000.000
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	68.319.356.848	118.524.161.549
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.203.202.015	-
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.438.603.817	-
			<b>72.961.162.680</b>	<b>118.524.161.549</b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</i></b>				
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Ký quỹ	-	50.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày như sau: (tiếp theo)

					VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 10)</b>					
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Chi phí tiện ích	(11.077.104)	(30.381.552)	
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Bên liên quan	Doanh thu quản lý	(477.046.020)	(592.318.979)	
			<b>(488.123.124)</b>	<b>(622.700.531)</b>	
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13)</b>					
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Nhận ký quỹ	-	(272.948.126)	

**22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

			VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>		
Dưới 1 năm	1.642.147.140	601.193.280		
Từ 1 đến 5 năm	2.278.522.255	1.803.579.840		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.920.669.395</b>	<b>2.404.773.120</b>		

**23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

  
\_\_\_\_\_  
Ngô Đức Ngọc  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Trần Thị Lý  
Kế toán trưởng

  
  
\_\_\_\_\_  
Trần Văn Quỳnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017